

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 27/2019/HC-GĐT

Ngày 06/11/2019

*V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong việc giải quyết tranh chấp đất đai
và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuân;

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Văn Tiến;

- Ông Đặng Xuân Đào;

- Bà Lương Ngọc Trâm;

- Bà Đào Thị Xuân Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đông, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Lê Thành Dương, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hành chính, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Võ Thành C, sinh năm 1969

Cư trú tại: Đường C, phường X, quận M, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ: Thị xã D, tỉnh Bình Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị Thúy H;

- Ông Võ Nhật T;

- Ông Võ Anh K.

Bà H, ông T, ông K cùng cư trú tại: Đường X, khu phố Y, phường Z, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

- Bà Lê Thị Kim T1;

- Ông Võ Thuận P;

- Bà Võ Hà Phương Kh.

Bà T1, ông P, bà Kh cùng cư trú tại: Khu phố Đ, phường Z, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

- Cụ Võ Thị P1 (mất năng lực hành vi dân sự); người giám hộ cho cụ P1 là ông Phan Văn G, cư trú tại: Đường H, khu phố M, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Ông Phạm Tiến T2; cư trú tại: Khu phố B, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

- Ông Lê Đình L; cư trú tại: Ấp T, xã Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

- Ông Lê Nguyên L1; cư trú tại: Đường L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Việt H1; cư trú tại: Khu phố N, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

- Bà Võ Thị Mỹ D; cư trú tại: Khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

- Bà Võ Thị Kim L (mất năng lực hành vi dân sự); người giám hộ cho bà L ông Võ Thành C.

- Bà Võ Thị Kim X; cư trú tại: Khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

- Bà Phạm Thị P2; cư trú tại: Khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

- Bà Phạm Thị L3; cư trú tại: Khu phố T2, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

- Ông Nguyễn Văn T3; cư trú tại: Martin Luther King Jr Way S, Apt # 4, Seattle, WA 98118, USA.

- Bà Nguyễn Thị V; cư trú tại: Khu X, ấp Đ, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Ông Nguyễn Văn N;

- Bà Nguyễn Thị B;

- Bà Nguyễn Thị K;

Ông N, bà B, bà K cùng cư trú tại: Khu X, ấp Đ, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Di chúc (không đề ngày) của cụ Võ Tấn S (chết năm 1994) thì cụ có 05 người con là: Ông Võ Hà H2, ông Võ Thành T4, bà Võ Thị Mỹ D, bà Võ Thị Kim X, bà Võ Thị Kim L2. Theo Di chúc này, cụ S để lại di sản thừa kế là diện tích 9.493 m² đất cho 05 người con nêu trên. Ông Võ Thành C không có tên trong Di chúc của cụ S.

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 26/7/2017 và đơn đề nghị giám đốc thẩm ngày 03/7/2018 của ông Võ Thành C thì ông C là con của cụ S.

Năm 2002, do ông Nguyễn Văn N tranh chấp quyền sử dụng diện tích đất nêu trên với các ông Võ Hà H2, Võ Thành T4 và cụ Võ Thị P1, nên ngày 19/6/2002, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D (nay là thị xã D) đã ban hành Quyết định số 516/QĐ.CT giải quyết tranh chấp với nội dung:

Bác đơn của ông Nguyễn Văn N về việc khiếu nại tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Võ Hà H2, Võ Thành T4 và cụ Võ Thị P1;

Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Hà H2 diện tích 2.767 m² thuộc thửa 241, tờ bản đồ E5 xã T;

Công nhận quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị P1 diện tích 4.188 m² thuộc thửa 202, 203 tờ bản đồ E5 xã T;

Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Thành T4, diện tích 2.452,5 m² thuộc thửa 240, tờ bản đồ E5 xã T;

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Thành T4 về việc chia cho ông Nguyễn Văn N diện tích 101 m² thuộc một phần thửa 240 tờ bản đồ E5 tọa lạc tại ấp T, xã T...

Năm 2003, ông Võ Thành T4 có đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân thị xã D về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thế H3 không đúng chủ sử dụng.

Ngày 26/11/2003, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D (nay là thị xã D) ban hành Quyết định số 3001/QĐ.CT: *Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1249 QSDĐ/CN.TB diện tích 240 m² cấp cho ông Nguyễn Thế H3 ngày 08/5/2001 tại thửa 630 tờ bản đồ D4 ấp T, xã T. Lý do hủy: Thửa đất cấp cho ông Nguyễn Thế H3 không đúng vị trí số thửa và diện tích thực tế sử dụng;*

Cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới cho ông Nguyễn Thế H3 tại thửa đất số 676 tờ bản đồ D4, diện tích 233 m² tọa lạc tại ấp T, xã T theo đúng vị trí thực tế ông H3 đang sử dụng;

Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Thành T4 số thửa 630, tờ bản đồ D4 ấp T, xã T theo đúng diện tích thực tế ông T4 sử dụng.

Ngày 19/8/2003, Ủy ban nhân dân huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1980 QSDĐ/TB và số 2235 QSDĐ/CQ.TB cho ông Võ Hà H2; ngày 11/4/2000 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 561 QSDĐ/CQ.TB cho bà Võ Thị Mỹ D; ngày 11/4/2000 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 560 QSDĐ/CQ.TB cho bà Võ Thị Kim X; ngày 25/02/2004 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2191 QSDĐ/HTH.TB cho ông Võ Thành T4, ngày 19/8/2003 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1981 QSDĐ/TB cho cụ Võ Thị P1.

Ông Võ Thành C trình bày, ông được biết việc Ủy ban nhân dân thị xã D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các ông, bà là con của cụ Võ Tấn S (nêu trên) vào ngày 23/02/2010 do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã D cung cấp.

Sau đó, ông C có đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân thị xã D và được trả lời tại Công văn số 1887/UBND-NC ngày 16/8/2010 như sau: *“Việc UBND huyện D cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là đúng theo quy định pháp luật. Tuy trong từng hồ sơ cấp giấy có sai sót về mặt nội dung nhưng không đủ cơ sở thu hồi các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên để phân chia lại cho ông C như đơn của ông đã kiến nghị”.*

Ngày 15/9/2010, Ủy ban nhân dân thị xã D ban hành Công văn số 2238/UBND-NC trả lời đơn khiếu nại của ông Võ Thành C với nội dung: Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên mà ông C khiếu nại được cấp từ năm 2000 và năm 2003 đã hết thời hiệu khiếu nại, do đó, không thụ lý giải quyết đơn của ông C và hướng dẫn ông C nộp đơn tại Tòa án để được giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 23/12/2011, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Thông báo số 407/TB-UBND thông báo kết quả giải quyết đơn tố cáo của ông C, trong đó nêu rõ: Việc Ủy ban nhân dân thị xã D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Hà H2, ông Võ Thành T4, bà Võ Thị Mỹ D, bà Võ Thị Kim X, bà Võ Thị Kim L2 là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/5/2012, ông C khởi kiện vụ án hành chính, yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên và Quyết định số 516/QĐ-CT ngày 19/6/2002, Quyết định số 3001/QĐ-CT ngày 26/11/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D.

Ngày 28/5/2012, Tòa án nhân dân thị xã D có Thông báo số 19, 20/TB-TA trả lại 02 đơn khởi kiện ngày 21/5/2012 của ông C với lý do: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, ngoài ra, cũng không còn thời hiệu để khởi kiện hành vi hành chính của người cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyết định số 516/QĐ-CT ngày 19/6/2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D nêu trên là quyết định giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ngày 31/5/2012, ông C có đơn khiếu nại đối với Thông báo trả lại đơn khởi kiện nêu trên.

Ngày 08/6/2012, Chánh án Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An ban hành Quyết định số 16,17/QĐ-TA bác đơn khiếu nại của ông C, giữ nguyên 02 Thông báo trả lại đơn khởi kiện số 19, 20/TB-TA của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An.

Không đồng ý với quyết định của Chánh án Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, ông C có đơn khiếu nại gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Ngày 16/8/2012, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 12/QĐ-TA không chấp nhận đơn khiếu nại của ông Võ Thành C về việc trả lại đơn khởi kiện.

Ngày 27/7/2017, ông C có đơn khởi kiện vụ án hành chính đối với Quyết định số 516/QĐ-CT ngày 19/6/2002, Quyết định số 3001/QĐ-CT ngày 26/11/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D (nay là thị xã D); 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thị xã D ban hành gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2191 ngày 25/02/2004 cấp cho ông Võ Thành T4; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1735 ngày 6/8/2002 cấp cho hộ ông Võ Thành T4; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1980 ngày 19/8/2003 cấp cho ông Võ Hà H2; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1981 ngày 19/8/2003 cấp cho cụ Võ Thị P1.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 12/2017/QĐST-HC ngày 31/8/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 46/2017/TLST-HC ngày 07/8/2017 về việc “khiếu kiện quyết định hành chính trong việc giải quyết tranh chấp đất đai và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” giữa người khởi kiện là ông Võ Thành C và người bị kiện là Ủy ban nhân dân thị xã D và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã D, với lý do đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Ngày 26/9/2017, ông Võ Thành C có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án hủy toàn bộ Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính nêu trên.

Tại Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 109/2018/QĐ-PT ngày 24/4/2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Thành C.

Giữ nguyên quyết định đình chỉ giải quyết vụ án nêu trên của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Ngày 03/7/2018, ông Võ Thành C có đơn đề nghị xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 109/2018/QĐ-PT ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 31/7/2019, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có Quyết định số 41/2019/KN-HC kháng nghị Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 109/2018/QĐ-PT ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh theo thủ tục giám đốc thẩm; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Quyết định giải quyết việc kháng cáo nêu trên; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án ông Võ Thành C trình bày, ông là con của cụ Võ Tấn S; ông khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Võ Thành T4, ông Võ Hà H2, cụ Võ Thị P1, gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1735 ngày 06/8/2002; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2191 ngày 25/02/2004; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1980 ngày 19/8/2003 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1981 ngày 19/8/2003; yêu cầu hủy các Quyết định số 516/QĐ.CT ngày 19/6/2002, Quyết định số 3001/QĐ.CT ngày 26/11/2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Nguyễn Văn N với ông, bà Võ Hà H2, Võ Thành T4, Võ Thị P1 và về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1249 QSDĐ/CN.TB cấp cho ông Nguyễn Thế H3 ngày 08/5/2001.

[2] Hồ sơ vụ án thể hiện, theo thông tin do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thị xã D cung cấp, ngày 23/02/2010 ông C được biết việc Ủy ban nhân dân thị xã D cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các ông, bà nêu trên. Sau đó, ông C đã khiếu nại về việc cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D (nay là thị xã D) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Ngày 15/9/2010, Ủy ban nhân dân thị xã D ban hành Công văn số 2238/UBND-NC trả lời khiếu nại của ông C với nội dung: Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông C khiếu nại đã hết thời hiệu khiếu nại, do đó không thụ lý giải quyết đơn của ông C và hướng dẫn ông C nộp đơn tại Tòa án để được giải quyết theo thẩm quyền. Theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 56/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tố tụng hành

chính và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 01/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì Tòa án thụ lý giải quyết khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai nếu việc khởi kiện được thực hiện trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Luật tố tụng hành chính năm 2010 có hiệu lực (ngày 01/7/2011). Vì vậy, ngày 21/5/2012, ông C khởi kiện vụ án hành chính, yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các Quyết định hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D là còn trong thời hiệu khởi kiện. Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An không thụ lý vụ án mà trả lại đơn khởi kiện của ông C là không đúng.

[3] Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật tố tụng hành chính năm 2010 thì “lỗi của cơ quan nhà nước làm cho chủ thể có quyền khởi kiện không thể khởi kiện trong phạm vi thời hiệu khởi kiện” được coi là trở ngại khách quan, không tính vào thời hiệu khởi kiện. Do đó, ngày 27/7/2017, ông C có đơn khởi kiện lại vụ án hành chính đối với 02 quyết định hành chính và 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là còn trong thời hiệu khởi kiện. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương cho rằng ông C khởi kiện vụ án hành chính khi thời hiệu khởi kiện đã hết và có Quyết định số 12/2017/QĐST-HC ngày 31/8/2017 đình chỉ giải quyết vụ án hành chính là không đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông C.

[4] Lẽ ra, trong trường hợp này, Tòa án phải hướng dẫn ông C rút đơn khởi kiện vụ án hành chính để khởi kiện vụ án dân sự (chia di sản thừa kế). Trường hợp đương sự rút đơn khởi kiện vụ án hành chính, đồng thời có đơn khởi kiện vụ án dân sự thì Tòa án căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 143 của Luật Tố tụng hành chính để đình chỉ giải quyết vụ án hành chính và xem xét, thụ lý đơn khởi kiện để giải quyết bằng vụ án dân sự theo thủ tục chung. Trường hợp ông C không rút đơn khởi kiện thì Tòa án căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 141 của Luật Tố tụng hành chính tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết quả giải quyết vụ án dân sự. Trong trường hợp xét thấy việc giải quyết tranh chấp đất đai và giải quyết yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan đến nhau và có thể giải quyết trong cùng một vụ án thì Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 34 của Luật Tố tụng hành chính và Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết đồng thời hai yêu cầu của đương sự trong cùng một vụ án theo thủ tục chung do pháp luật tố tụng dân sự quy định. Trường hợp người khởi kiện chỉ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Tòa án phải tôn trọng “Quyền quyết định và tự định đoạt của người khởi kiện” theo quy định tại Điều 8 của Luật Tố tụng hành chính. Theo đó thì Tòa án phải xem xét thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

[5] Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không phát hiện ra sai lầm của Tòa án cấp sơ thẩm nên đã ra Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 109/2018/QĐ-PT ngày 24/4/2018 với nội dung không chấp nhận kháng cáo của ông C là không đúng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 271, khoản 3 Điều 272, khoản 2 Điều 274 Luật tố tụng hành chính;

1. Chấp nhận Quyết định Kháng nghị giám đốc thẩm số 41/2019/KN-HC ngày 31/7/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 109/2018/QĐ-PT ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 109/2018/QĐ-PT ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 12/2017/QĐST-HC ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (để biết);
- TAND tỉnh Bình Dương (02 bản, kèm hồ sơ vụ án);
- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu Vụ GDKT III, HSVA (02 bản), THS.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thuân